

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2019/HS-ST

Ngày 24 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Quyến;

Bà Nguyễn Thị Hợp.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/HSST- QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HSST- QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/11/1997. Tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đang sinh sống: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Trương Thị Q; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Vương Viết K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân bị cáo Nguyễn Thị T nghiện ma túy. Ngày 22/01/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1- 024.20 là chiếc xe bị cáo mượn của anh Hoàng Văn H đi từ thị trấn N đến thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gặp một người đàn ông (bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ) đang đứng cạnh đường bị cáo bảo người này bán cho 300.000 đồng ma túy đá, bị cáo đưa tiền, người đàn ông đưa cho bị cáo 01 túi nilon bên trong chứa các tinh thể màu trắng. Sau khi mua xong bị cáo gói số ma túy đá này vào một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng rồi để vào trong chiếc ví màu hồng, điều khiển xe quay về thị trấn N. Khoảng 18 giờ cùng ngày bị cáo gọi điện thoại rủ Vương Viết K (người yêu) ra thị trấn N chơi, Vương Viết K đồng ý, bị cáo và Vương Viết K đi chơi đến 21 giờ thì cùng nhau đi đến Nhà khách Ủy ban nhân dân huyện V để thuê phòng nghỉ, khoảng 22 giờ bị cáo dùng chai nhựa, ống nhựa và cóong thủy tinh gộp thành dụng cụ để sử dụng ma túy, chuẩn bị xong dụng cụ bị cáo lấy một ít ma túy đá trong túi ra đổ vào cóong thủy tinh phần còn lại gói như cũ cất vào trong ví. Khi bị cáo đang sử dụng thì Vương Viết K đi từ trong nhà tắm ra và cùng bị cáo sử dụng ma túy, sau khi sử dụng ma túy cả hai đi ngủ đến khoảng 10 giờ ngày 23/01/2019 Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra công tác lưu trú tại Nhà khách Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang tại phòng 202 bị cáo có hành vi cất giấu ma túy đá trong chiếc ví màu hồng.

Vật chứng thu, giữ gồm 01 gói nilon chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 2.000 đồng, 01 (một) chiếc ví màu hồng, 01 (một) chai nước Lavie, 03 (ba) ống nhựa màu hồng, 01 (một) cóong bằng thủy tinh, 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12V- 024.20, 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel.

Tại bản Kết luận giám định số 84/KL-PC09 ngày 26/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,270 gam (đã trừ bì).

Đối với Nam thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo ngày 22/01/2019. Cơ quan điều tra đã xác minh theo đặc điểm nhận dạng mà bị cáo cung cấp nhưng không xác định được.

Đối với Vương Viết K là người ở cùng phòng với bị cáo, qua điều tra xác minh thấy việc bị cáo đi mua ma túy và cất giấu ma túy Vương Viết K không được biết, mặc dù Vương Viết K cũng được sử dụng ma túy cùng bị cáo, bản thân Vương Viết K là người nghiện ma túy, đang điều trị bằng thuốc thay thế Methadone tại Trung tâm y tế huyện V nhưng vẫn sử dụng ma túy đá. Cơ quan

điều tra đã tách và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú đề nghị xem xét đưa vào diện quản lý theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 19/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người nghiện ma túy, chưa chồng con ở cùng bố mẹ, bản thân không có tài sản hoặc đứng tên đăng ký tài sản gì có giá trị.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong, 01 (một) chai nước Lavie, 03 (ba) ống nhựa màu hồng, 01 (một) cóong bằng thủy tinh, 01 (một) chiếc ví màu hồng đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và các công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội phạm tội, không có giá trị sử dụng; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 2.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, đây là tiền, giấy tờ và tài sản đã bị tạm giữ nhưng không phải là vật chứng; trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hoàng Văn H 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12V-024.20.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; miễn án phí cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 23/01/2019, tại phòng 202 Nhà khách Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,270 gam, mục đích sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng truy tố bị cáo về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo Nguyễn Thị T nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có ma túy sử dụng cho bản thân bị cáo đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại đến trật tự, an ninh. Ma túy là các hỗn hợp chất hoá học, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp nhân tạo, gây kích thích hoặc ức chế thần kinh. Khi ma túy xâm nhập vào cơ thể, có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức và trí tuệ, khiến con người bị lệ thuộc vào nó. Ma túy không chỉ huỷ hoại sức khoẻ mà còn làm suy thoái nòi giống, tàn phá phẩm giá và nhân cách của con người. Hành vi của bị cáo gây hoang mang cho gia đình và xã hội; gây mất trật tự khu vực dân cư, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trong khu vực. Do đó, khi lượng hình cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh ngày 20/02/2019 cho thấy bị cáo hiện là người nghiện ma túy, chưa có gia đình riêng, sinh sống cùng bố mẹ, bản thân không có tài sản hoặc đứng tên tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Đối với số ma túy còn lại sau giám định đựng

trong 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi chữ “QT Nguyễn Thị T”, 01 (một) chai nước Lavie, 03 (ba) ống nhựa màu hồng, 01 (một) công bằng thủy tinh, 01 (một) chiếc ví màu hồng, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng. Tịch thu, tiêu hủy.

[7] Đối với 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 2.000 đồng, đây là tờ tiền liên quan đến hành vi phạm tội (tờ tiền dùng gói ma túy). Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, đây là tiền, giấy tờ và tài sản đã bị tạm giữ nhưng không phải là vật chứng trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T.

[9] Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12V- 024.20, đây là tài sản của anh Hoàng Văn H bị cáo mượn đi không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hoàng Văn H.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T bị kết án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

[11] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt, xử lý vật chứng, án phí và đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt, xử lý vật chứng cho bị cáo. Xét thấy, các đề nghị đưa ra là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[12] Đối với đề nghị miễn án phí cho bị cáo của người bào chữa với lý do bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận đề nghị miễn án phí cho bị cáo vì theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định người bị kết án phải trả án phí, phải chịu án phí vì đây là trách nhiệm và nghĩa vụ bị cáo phải thực hiện.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 và các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (mười lăm) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/01/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi chữ “QT Nguyễn Thị T”, 01 (một) chai nước Lavie, 03 (ba) ống nhựa màu hồng, 01 (một) cóng bằng thủy tinh, 01 (một) chiếc ví màu hồng.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 2.000 (hai nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 1.000.000 (một triệu) đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel.

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hoàng Văn H 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12V- 024.20.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng theo như nội dung biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019 và nội dung Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/4/2019).

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Bị cáo (1b);
- Người có QL&NVLQ (1b);
- VKSND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- Cơ quan ĐTCA huyện Văn Lãng (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Cơ quan THAHSCA huyện Văn Lãng (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Huyện Văn Lãng (1b);
- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Lãng (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

Nông Thị Hà